TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN NAM GIANG** **TỈNH QUẢNG NAM** Bản án số: 01/2025/HNGĐ-ST Ngày: 22-4-2025 *"V/v Tranh chấp về thay đổi người trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn"*	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NAM GIANG, TỈNH QUẢNG NAM

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán-Chủ tọa phiên tòa: Ông Huỳnh Quang.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông A Lăng Vượt và bà Ka Ring Mộc Miên.

- Thư ký phiên tòa: Ông CLâu Thìn - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Nam Giang, tỉnh Quảng Nam.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Nam Giang tham gia phiên tòa: Bà Hoàng Thị Minh Hòa – Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 4 năm 2025 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Nam Giang, tỉnh Quảng Nam mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình sơ thẩm thụ lý số: 24/2024/TLST-HNGĐ ngày 07 tháng 11 năm 2024 về *"Thay đổi người trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn"*, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 01/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 24 tháng 3 năm 2025, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Bùi Minh Đ, sinh năm 1983; Có mặt.

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Thôn P, xã Q, huyện Q, tỉnh Quảng Nam.

Nơi làm việc: Trường Cao đẳng C-Bộ C1.

Địa chỉ: Số A đường N, phường L, thành phố T, thành phố Hồ Chí Minh.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của ông Đ: Bà Huỳnh Thị T, địa chỉ: Đường Đ, khối phố C, thị trấn N, huyện N, tỉnh Quảng Nam; Có mặt.

- Bị đơn: Bà Nguyễn Thị Kim L, sinh năm 1987; Vắng mặt.

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Thôn C, xã D, huyện D, tỉnh Quảng Nam.

Nơi làm việc trước đây: Công an huyện N, tỉnh Quảng Nam.

Nơi làm việc hiện nay: Phòng Hậu cần-Công an tỉnh Q.

Địa chỉ: B N, phường T, thành phố T, tỉnh Quảng Nam.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Tại đơn khởi kiện và bản tự khai đề ngày 24/10/2024, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn ông* Bùi Minh Đ *trình bày:*

Ông Đ và bà Nguyễn Thị Kim L ly hôn theo Quyết định số 101/2015/QĐST-HNGĐ ngày 08/7/2015 của Toà án nhân dân huyện Quế Sơn, tỉnh Quảng Nam. Theo Quyết định thì cháu Bùi Phương M, sinh ngày:

05/5/2014 giao cho bà Nguyễn Thị Kim L trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến tuổi thành niên (18 tuổi). Ông Bùi Minh Đ có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 1.000.000 đồng cho đến khi cháu M đủ tuổi thành niên (18 tuổi), thời gian cấp dưỡng tính từ tháng 7/2015, ông Đ được quyền thăm nom, chăm sóc con chung, không ai được quyền cản trở. Sau khi ly hôn, bà L gửi cháu M cho ông bà ngoại, vì vậy năm 2016 ông Đ xin phép và được bà L thống nhất cho ông Đ đón cháu M về nuôi, đến năm 2022 bà L đón cháu M về lại và sống tại thị trấn T, huyện N, tỉnh Quảng Nam.

Nay cháu M không muốn ở với bà L vì lý do, thời gian gần đây cháu M thường tâm sự với ông Đ là bị bà L đánh, trong đó có 4 lần bị đánh bằng bạt tai vào mặt, nắm giật tóc, có lần bị đánh roi lằn chân và mông. Từ ngày 02/9/2024 khi đón cháu M về chơi, ông Đ đã nghe cháu M tâm sự và cháu M dặn ông Đ là không được nói với mẹ, mẹ đánh con chết. Ông Đ dùng mọi cách khuyên bảo bà L nhưng không được, cháu M vẫn bị mẹ đánh và la mắng. Ngày 21/10/2024, khi ông Đ lên huyện N an ủi cháu M thì xảy ra cãi vả với bà L, lúc này bà L đuổi cháu M đi, sau đó ông Đ đưa cháu M về xã Q, huyện Q sinh sống và đi học tạm. Hiện tại cháu M có nguyện vọng muốn sống cùng với ông Đ. Bên cạnh đó, ông Đ muốn có đủ điều kiện rút hồ sơ để cháu M được nhập trường nơi xin chuyển đến. Do đó, ông Đ yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Nam Giang giải quyết thay đổi người trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn, giao cho ông Đ được nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cháu Bùi Phương M. Không yêu cầu bà L cấp dưỡng nuôi con.

Về án phí: Ông Đ tự nguyện chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

Ngoài yêu cầu trên Ông Đ không yêu cầu vấn đề nào khác.

** Tại bản ý kiến về nội dung ngày 11/11/2024, bản tự khai ngày 14/01/2025, các tài liệu do bà* Nguyễn Thị Kim L *cung cấp, bị đơn bà* Nguyễn Thị Kim L *trình bày:*

Tòa án nhân dân huyện Quế Sơn, tỉnh Quảng Nam đã ra Quyết định giao cháu M cho bà L trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục nhưng khi chưa được sự cho phép của bà L thì ngày 21/10/2024 ông Đ đã tước đoạt quyền nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục của bà L, dẫn cháu M về nuôi. Việc ông Đ tiếp cận bà L và cháu M vào ngày 21/10/2024 nhằm mục đích để bắt cháu M đi thực hiện âm mưu khác chứ không muốn ngồi lại với bà L để giải quyết các vấn đề liên quan đến mâu thuẫn, xung đột. Ông Đ mới thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con được 31 tháng, khoảng thời gian còn lại chưa thực hiện. Ông Đ đang công tác tại thành phố Hồ Chí Minh nên không có thời gian, điều kiện để chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con. Đối với giấy trình bày nguyện vọng của cháu M là theo động cơ, nhu cầu, nguyện vọng của ông Đ, thể hiện sự ép buộc, sự kiểm soát về suy nghĩ, nhận thức, hành động của cháu M theo định hướng của ông Đ, không xuất phát từ nhu cầu, sự tự nguyện, suy nghĩ của cháu M. Những hành vi mà ông Đ trình bày trong đơn khởi kiện, đơn xin thay đổi quyền nuôi con, giấy trình bày nguyện vọng của cháu M hoàn toàn không có trong suy nghĩ, hành động của bà L, đó là sự bịa đặt và vu khống nhằm mục đích hãm hại bà L.

Do vậy, ông Đ không xứng đáng được chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu M, bà L đề nghị Tòa án nhân dân huyện Nam Giang buộc ông Đ trả lại cháu M cho bà L; đề nghị bác toàn bộ nội dung đơn khởi kiện của ông Đ và giữ nguyên quyền nuôi con của bà L theo Quyết định của Tòa án nhân dân huyện Quế Sơn, tỉnh Quảng Nam.

Quá trình giải quyết vụ án, ngày 19/11/2024 Tòa án tiến hành phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải với sự có mặt của nguyên đơn và bị đơn nhưng hòa giải không thành. Ngày 06/3/2025 nguyên đơn có đơn đề nghị không tiến hành hòa giải, do đó vụ án không tiến hành hòa giải được.

Tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn có mặt và giữ nguyên các yêu cầu của mình, cụ thể:

Ông Đ đề nghị Tòa án nhân dân huyện Nam Giang xem xét, giải quyết chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông, giao cho ông được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục cháu Bùi Phương M. Không yêu cầu bà L cấp dưỡng nuôi con. Về án phí ông Đ tự nguyện chịu án phí.

Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa, có đơn xin xét xử vắng mặt. Nội dung đơn xin xét xử vắng mặt thể hiện bị đơn không đồng ý với yêu cầu của nguyên đơn.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của ông Đ: Bà Huỳnh Thị T trình bày: Ông Đ có đủ các điều kiện về vật chất và tinh thần để tạo điều kiện cho con gái có cuộc sống đầy đủ, đảm bảo cho sự phát triển cho cháu M. Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 3 Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con sau ly hôn như sau: Giao cháu M cho ông Đ trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Ông Đ không yêu cầu bà L cấp dưỡng nuôi con.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Nam Giang phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án như sau:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự của người tiến hành tố tụng và của người tham gia tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã tiến hành thụ lý, thu thập chứng cứ và xét xử vụ án theo đúng thẩm quyền, đúng trình tự thủ tục tố tụng mà pháp luật quy định. Nguyên đơn, bị đơn chấp hành đúng các quy định của pháp luật.

Về nội dung vụ án: Sau khi phát biểu đánh giá các tình tiết của vụ án. Vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Nam Giang có ý kiến đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 69, Điều 70, Điều 71, Điều 72, Điều 81, Điều 82, Điều 83, khoản 1, điểm b khoản 2 và khoản 3 Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 3 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1, khoản 3 Điều 39, Điều 147, khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 266, Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn ông Bùi Minh Đ tranh chấp về thay đổi người trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn đối với bị đơn bà Nguyễn Thị Kim L như sau: Giao cháu Bùi Phương M cho Ông Đ trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng. Ông Đ không yêu cầu bà L cấp dưỡng nuôi con nên không xét.

Về án phí: Căn cứ Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, bị đơn bà Nguyễn Thị Kim L phải chịu án phí. Tuy nhiên, tại phiên tòa nguyên đơn ông Bùi Minh Đ tự nguyện chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra, xem xét tại phiên toà, căn cứ vào kết quả thảo luận, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Đây là vụ án Hôn nhân và gia đình về việc tranh chấp về thay đổi người trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn, bị đơn là bà Nguyễn Thị Kim L làm việc tại Công an huyện N, tỉnh Quảng Nam, địa chỉ: Thị trấn T, huyện N và hiện nay làm việc tại: P-Công an tỉnh Q. Căn cứ khoản 3 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1, khoản 3 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Nam Giang, tỉnh Quảng Nam.

Bị đơn Bà Nguyễn Thị Kim L có đơn đề nghị xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử căn cứ Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, xét xửvắng mặt bị đơn trong vụ án.

Ông Bùi Minh Đ yêu cầu Tòa án không tiến hành hòa giải. Căn cứ vào Khoản 4 Điều 207 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án không tiến hành hòa giải đối với vụ án này.

[2] Về nội dung:

Cháu Bùi Phương M, sinh ngày 05/5/2014 là con chung của ông Bùi Minh Đ và Bà Nguyễn Thị Kim L. Ông Đ và bà L ly hôn theo quyết định số 101 ngày 08/7/2015 của Tòa án nhân dân huyện Quế Sơn, tỉnh Quảng Nam. Theo quyết định bà L được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung. Ông Đ cấp dưỡng nuôi con 1.000.000 đồng/tháng.

Theo quy định tại khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình quy định việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con sau khi ly hôn *"Vợ, chồng thỏa thuận về người trực tiếp nuôi con, nghĩa vụ, quyền của mỗi bên sau khi ly hôn đối với con; trường hợp không thỏa thuận được thì Tòa án quyết định giao con cho một bên trực tiếp nuôi căn cứ vào quyền lợi về mọi mặt của con; nếu con từ đủ 07 tuổi trở lên thì phải xem xét nguyện vọng của con"*. Theo quy định tại điểm a, b khoản 2, khoản 3 Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình quy định thay đổi người trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn *"Việc thay đổi người trực tiếp nuôi con được giải quyết khi có một trong các căn cứ sau đây: a) Cha, mẹ có thỏa thuận về việc thay đổi người trực tiếp nuôi con phù hợp với lợi ích của con; b) Người trực tiếp nuôi con không còn đủ điều kiện trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con. Việc thay đổi người trực tiếp nuôi con phải xem xét nguyện vọng của con từ đủ 07 tuổi trở lên.*

Căn cứ vào các quy định trên Hội đồng xét xử nhận thấy:

Thứ nhất, Về điều kiện vật chất: Ông Đ và bà L đều có thu nhập ổn định. Ông Đ có nhà ở tại huyện Q, tỉnh Quảng Nam.

Thứ hai, xét về nơi công tác: Ông Đ và bà L đều công tác xa nhà.

Thứ ba, xét về nguyện vọng của cháu M. Trong toàn bộ quá trình giải quyết vụ án, khi được Tòa án hỏi ý kiến, cháu trình bày nguyện vọng muốn sống với bố. Hội đồng xét xử đánh giá nguyện vọng được sống với bố của cháu M là tự nguyện, không bị ai ép buộc, hướng dẫn.

Thứ tư, năm 2015, ông Đ và bà L ly hôn, bà L được quyền nuôi con, ông Đ cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.000.000 đồng, tuy nhiên năm 2016 ông Đ đưa cháu M về sống cùng ông Đ được sự thống nhất của bà L. Năm 2022 bà L đón cháu M về sống với bà L, đến ngày 21/10/2024 ông Đ đưa cháu M về sống cùng ông Đ và đi học tại trường Tiểu học Q, huyện Q. Từ khi ly hôn đến nay, cháu M ở với ông Đ 7 năm, bà L không cấp dưỡng nuôi con. Cháu M ở với bà L 2 năm, theo quy định ông Đ phải cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.000.000 đồng, tổng tiền hai năm là 24.000.000 đồng. Tuy nhiên, ông Đ đã cấp dưỡng thông qua việc chuyển khoản 42.600.000 đồng cho bà L (có chứng từ giao dịch của ngân hàng). Điều này cho thấy ông Đ rất yêu thương, có trách nhiệm đối với cháu M, ông Đ thực hiện tốt nghĩa vụ cấp dưỡng và đủ điều kiện kinh tế để chăm lo cho cháu M. Hiện nay ông Đ thường xuyên có mặt tại nơi cư trú và đưa đón cháu M đi học (theo biên bản xác minh tại trường Tiểu học Q và Công an xã Q, huyện Q). Cháu M cũng có nguyện vọng được ở với bố. Việc nuôi dưỡng, chăm sóc giáo dục con của bà L thì địa phương không rõ; về vấn đề bà L có la mắng đánh đập cháu Bùi Phương M, địa phương không có thông tin (theo biên bản xác minh tại nơi ở của bà L và Tổ trưởng tổ dân phố D, thị trấn T, huyện N).

Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử xét thấy: Để bảo đảm sự ổn định, hạn chế sự xáo trộn môi trường sống, giáo dục của cháu M. Yêu cầu được thay đổi người trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn của ông Đ là chính đáng. Hội đồng xét xử giao cháu Bùi Phương M cho ông Đ trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi con chung đủ 18 tuổi hoặc khi có quyết định khác thay thế.

Ông Đ không yêu cầu bà L cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xét.

Bà L có quyền đi lại, thăm nom chăm sóc con chung, không ai được ngăn cản.

[3] Về án phí: Yêu cầu khởi kiện của ông Bùi Minh Đ được chấp nhận nên bị đơn bà Nguyễn Thị Kim L phải chịu án phí theo quy định tại Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội. Tuy nhiên, tại phiên tòa ông Đ tự nguyện chịu án phí sơ thẩm nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1, khoản 3 Điều 39; Điều 147; Điều 227; Điều 228; Điều 266; Điều 267; Điều 278; Điều 280; Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015;

Căn cứ Điều 69, 72, 81, 82, 83 và Điều 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014

Căn cứ Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin thay đổi người trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn của ông Bùi Minh Đ đối với bà Nguyễn Thị Kim L.

Giao cháu Bùi Phương M, sinh ngày 05/5/2014 cho ông Bùi Minh Đ trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cho đến khi con chung đủ 18 tuổi hoặc khi có sự thỏa thuận hoặc quyết định khác thay thế. Bà Nguyễn Thị Kim L không cấp dưỡng nuôi con chung. Bà Nguyễn Thị Kim L được quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được cản trở.

2. Về án phí: Ông Bùi Minh Đ tự nguyện chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm đã nộp số tiền 300.000 đồng theo biên lai thu số 0004018 ngày 07 tháng 11 năm 2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Nam Giang, tỉnh Quảng Nam, ông Đ đã nộp đủ.

3. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Bị đơn vắng mặt tại phiên toà có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành ánhoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, Điều 7a vàĐiều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ **THẨM PHÁN**

CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

A Lăng Vượt **Ka Ring Mộc Miên** **Huỳnh Quang**

Nơi nhận:
- VKSND huyện Nam Giang;
- Chi cục THADS huyện Nam Giang;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Huỳnh Quang